

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiên;
Ông Lê Hoàng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 126/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Anh Kh, sinh năm 1989 (xin vắng);

- *Bị đơn:* Bà Phan Nữ Kiều B, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn ông Lê Anh Kh trình bày:

Về hôn nhân: Ông Kh và bà B có tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Đến tháng 02 năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không còn tình cảm và tôn trọng nhau nữa nên đã sống ly thân đến nay. Do không thể hàn gắn nên ông Kh yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về con chung: Có 02 người con tên Lê Thanh Ng, sinh ngày 28/9/2012 (nữ) và Lê Thanh Nh, sinh ngày 02/11/2016 (nam), hiện các con đang sống với bà B. Khi ly hôn, ông Kh có nguyện vọng nuôi cháu Ng và giao cháu Nh cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn bà Phan Nữ Kiều B trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2010, bà B và ông Kh chung sống với nhau, tổ chức đám tuyên bố, vì kinh tế khó khăn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N. Trong thời gian chung sống không hợp nhau nên hay cãi nhau, do cuộc sống khó khăn đôi bên đi làm ăn xa ngày càng ít gặp nhau nên tình cảm phai nhạt dần, vợ chồng sống ly thân khoảng tháng 3 năm 2021, trong thời gian sống ly thân cũng không tìm được tiếng nói chung, ông Kh xin ly hôn bà B đồng ý, vì duy trì cũng không có hạnh phúc.

Về con chung: Có 02 người con tên Lê Thanh Ng, sinh ngày 28/9/2012 (nữ) và Lê Thanh Nh, sinh ngày 02/11/2016 (nam), hiện các con đang sống với bà B. Khi ly hôn, xét nguyện vọng các cháu muốn sống chung với ai người đó chăm sóc, không cần cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đương sự vẫn vắng mặt, áp dụng vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn bà Phan Nữ Kiều B là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Anh Kh và bà Phan Nữ Kiều B kết hôn năm 2010, đến năm 2017 ông bà mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 29/2017 ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND TT N, vì vậy quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Trong thời gian chung sống với nhau, ông bà có những bất hòa không tự hàn gắn được, theo trình bày của ông bà thì nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau dẫn đến mất hạnh phúc, ông Kh yêu cầu ly hôn, bà B đồng ý. Xét thấy, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thuận tình ly hôn mà cho các đương sự ly hôn theo yêu cầu của một bên là phù hợp. Cho ông Lê Anh Kh được ly hôn với bà Phan Nữ Kiều B.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác định có 02 người con chung tên Lê Thanh Ng, sinh ngày 28/9/2012 (nữ) và Lê Thanh Nh, sinh ngày 02/11/2016 (nam), hiện các cháu đang sống chung với bà B. Khi ly hôn, ông Kh yêu cầu nuôi cháu Ng, giao cháu Nh cho bà B nuôi dưỡng; bà B có yêu cầu xét nguyện vọng con chung.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với hai cháu, cháu Ng có nguyện vọng sống chung với cha, cháu Nh có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ các cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, giao cháu Ng cho ông Kh nuôi dưỡng, giao cháu Nh cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch ông Kh chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh Kh về việc xin ly hôn với bà Phan Nữ Kiều B. Cho ông Lê Anh Kh được ly hôn với bà Phan Nữ Kiều B.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Nh, sinh ngày 02/11/2016 (nam) cho bà B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục; giao cháu Lê Thanh Ng, sinh ngày 28/9/2012 (nữ) cho ông Kh trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Buộc bà B giao cháu Ng cho ông Kh nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
- Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng ông Kh chịu, ông Kh có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0015817 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí sơ thẩm ông Kh nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND TT N, huyện N, tỉnh Cà Mau (CQ thực hiện đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính